

MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

Phần Đại số tính đến hết ”bài 2. Số thực. Giá trị tuyệt đối của một số thực (tiết 3)”

Phần Hình học tính đến hết ”bài 4. Diện tích xung quanh và thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác (tiết 3)”

MÔN: TOÁN 7 - NĂM HỌC: 2025-2026

Thời gian làm bài: 90 phút - Đề ra theo hình thức: Trắc nghiệm 20% - tự luận 80%

Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng
	TN	TL	TN	TL	Thấp (TL)	Cao (TL)	
SỐ HỮU TỈ	- Nhận biết được tập hợp số hữu tỉ; - Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ; - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ; - So sánh được hai số hữu tỉ; - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa trong tập hợp số hữu tỉ; - Tìm được giá trị chưa biết trong đẳng thức; - Vận dụng các tính chất phép cộng, phép nhân số hữu tỉ để tính nhanh; - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ.						
Số câu hỏi Số điểm	2 0,5	3 2,25	1 0,25	2 2,0	1 0,5	1 0,5	10 6,0
SỐ THỰC	– Biết được khái niệm căn bậc hai số học của một số không âm. – Tính căn bậc hai của một số. – Biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn – Tính giá trị tuyệt đối của số thực. – Thực hiện được các phép tính cộng trừ nhân chia, chứa dấu giá trị tuyệt đối.						
Số câu hỏi Số điểm	1 0,25		1 0,25				2 0,5
CÁC HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN	- Mô tả được các yếu tố đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật và hình lập phương; - Mô tả được các yếu tố đỉnh, mặt bên, mặt đáy, chiều cao của hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác; - Tính được thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác; - Tính được diện tích xung quanh và thể tích một số vật thể trong thực tiễn có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.						
Số câu hỏi Số điểm	1 0,25	1 0,75	2 0,5		2 1,5	1 0,5	7 3,5
TS câu hỏi TS điểm	4 1,0	4 3,0	4 1,0	2 2,0	3 2,0	2 1.0	19 10

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GHK 1, MÔN TOÁN7, NĂM HỌC 2025 – 2026

T T	Chương	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	SỐ HỮU TỈ	<i>Tập hợp số hữu tỉ</i>	Nhận biết: - Nhận biết phần tử trong tập hợp số hữu tỉ (1-trắc nghiệm) - Nhận biết số đối của một số hữu tỉ (1- trắc nghiệm) Vận dụng thấp: - So sánh hai số hữu tỉ (1 - trắc nghiệm)	2 CÂU TRẮC NGHIỆM CÂU 1,2)	1 CÂU TRẮC NGHIỆM CÂU 3		
		<i>Phép tính với số hữu tỉ</i>	Thông hiểu: Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa số hữu tỉ đơn giản; sử dụng các tính chất. (2_ tự luận) Vận dụng thấp: - Vận dụng các phép tính để giải bài toán thực tế. (1_ tự luận) - Tìm x (2_ tự luận) -Vận dụng tính giá trị biểu thức, tính có quy luật(1_ tự luận)	3 CÂU TỰ LUẬN CÂU 1a,b,c	1 CÂU TỰ LUẬN CÂU 2a	1(TL3) 1 CÂU TỰ LUẬN CÂU 2b	1 CÂU TỰ LUẬN CÂU 1d
2	SỐ THỰC	<i>Số vô tỉ, số thực</i>	Nhận biết: Nhận biết được số thập phân hữu hạn, vô hạn tuần hoàn, vô hạn không tuần hoàn. (1 _ trắc nghiệm) Thông hiểu -Tính giá trị tuyệt đối của số thực. (1_ trắc nghiệm)	1 CÂU TRẮC NGHIỆM CÂU 4	1 CÂU TRẮC NGHIỆM CÂU 5		

3	CÁC HÌNH KHỐI TRON	Hình hộp chữ nhật, hình lập phương, lăng trụ	Nhận biết : Nhận diện hình, mô tả các yếu tố của hình (3_ trắc nghiệm)(1_ tự luận)	1 CÂU TRẮC NGHIỆM CÂU 6 1 CÂU TỰ LUẬN CÂU 4a	2 CÂU TRẮC NGHIỆM CÂU 7,8 1 CÂU TỰ LUẬN CÂU 4b	1 CÂU TỰ LUẬN CÂU 5a	1 CÂU TỰ LUẬN CÂU 5b
	G THỰC TIỄN	đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	Thông hiểu : -Tính diện tích xung quanh, thể tích (1_ tự luận) Vận dụng : -Tính diện tích xung quanh, thể tích hình khối trong thực tiễn (1_ tự luận) Vận dụng cao : Sử dụng diện tích xung quanh, thể tích tính chi phí.(1_ tự luận)				
Số câu				8	6	3	2
Số điểm				4,0	3,0	2,0	1,0

TRƯỜNG THCS PHƯỚC BỬU ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 TỔ TOÁN - TIN
MÔN TOÁN 7

Đề lẻ

NĂM HỌC 2025 – 2026

Thời gian làm bài 90 phút (không kể giao đề)

Đề gồm 2 trang

Kiểm tra, ngày ... tháng ... năm 20...

Họ và tên HS: **Lớp:**

I: TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm) (Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Trong các số $\frac{-4}{11}, \frac{-5}{11}, \frac{-6}{11}, \frac{-7}{11}$, số lớn nhất là?

A. $\frac{-4}{11}$

B. $\frac{-5}{11}$

C. $\frac{-6}{11}$

D. $\frac{-7}{11}$

Câu 2: Số đối của số hữu tỉ $\frac{3}{-4}$ là:

A. $\frac{-3}{4}$

B. $\frac{-4}{3}$

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{4}{3}$

Câu 3: Kết quả của phép tính $\left(\frac{-1}{2}\right)^3$ là:

A. $\frac{-1}{8}$

B. $\frac{1}{8}$

C. $\frac{-3}{2}$

D. $\frac{1}{6}$

Câu 4: Số nào sau đây là số hữu tỉ ?

A. $\sqrt{3}$

B. $\frac{-1}{2}$

C. π

D. $\sqrt{\frac{4}{5}}$

Câu 5: Giá trị của $|-2,5| + |0,5|$ là:

A. 2

B. -3

C. 3

D. -2

Câu 6: Hình lập phương có bao nhiêu mặt?

A. 4

B. 6

C. 8

D. 12

Câu 7: Công thức tính thể tích hình lăng trụ đứng là:

A. $V = S_{xq} + 2S_{\text{đáy}}$

B. $V = S_{\text{đáy}} \cdot h$

C. $V = C_{\text{đáy}} \cdot h$

D. $2ab$

Câu 8: Một hình lăng trụ đứng có diện tích đáy 15 cm^2 và chiều cao 4 cm . Thể tích của hình lăng trụ đó là:

A. 19 cm^3

B. 30 cm^3

C. 60 cm^3

D. 120 cm^3

II: TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài 1 (1,5 điểm): Tính

a) $\frac{2}{5} + \left(\frac{-1}{5}\right)$

b) $\left(\frac{-1}{2}\right)^4$

Bài 2 (1 điểm): Tìm x biết

$$\text{a) } x - \frac{1}{4} = \frac{-7}{12}$$

b) $|x - 3| + 2 = \sqrt{49}$.

Bài 3 (1,5 điểm):Tính hợp lý giá trị các biểu thức sau:

$$a) \quad A = \frac{7}{15} \cdot \frac{5}{11} + \frac{7}{15} \cdot \frac{6}{11} + \frac{8}{15}$$

$$\text{b) } B = \frac{7}{13} + \frac{5}{11} + \frac{6}{13} + \frac{2025}{2026} - \frac{16}{11}$$

Bài 4 (1,25 điểm): Một cửa hàng bán điện thoại hôm nay giảm giá 15% cho mỗi sản phẩm.

a) Tính số tiền khách hàng được giảm khi mua chiếc điện thoại có giá ban đầu là 12 triệu đồng ?

b) Một khách hàng Vip đến mua chiếc điện thoại như trên. Vì là khách Vip nên khách hàng này được cửa hàng giảm thêm 10% trên giá đã giảm, Tính số tiền khách hàng phải trả?

Bài 5 (2,75 điểm): Một bể bơi có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 12m , chiều rộng 5m và chiều cao 1,5m.

a) Mặt đáy bể bơi có dạng hình gì?

b) Tính diện tích xung quanh và thể tích nước tối đa mà bể có thể chứa.

c) Người ta lát gạch ở đáy (mặt đáy dưới) và các mặt bên của bể, biết chi phí lát gạch là 200 000 đồng / 1m^2 . Tính tổng chi phí lát gạch.

Bài làm (Phần tự luận)

[illegible]

TRƯỜNG THCS PHƯỚC BỬU ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 TỔ TOÁN - TIN
MÔN TOÁN 7

Đề chẵn

NĂM HỌC 2025 – 2026

Thời gian làm bài 90 phút (không kể giao đề)

Đề gồm 2 trang

Kiểm tra, ngày ... tháng ... năm 20...

Họ và tên HS: Lớp:

I: TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm) (Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Trong các số $\frac{-4}{11}, \frac{-5}{11}, \frac{-6}{11}, \frac{-7}{11}$, số bé nhất là?

A. $\frac{-4}{11}$

B. $\frac{-5}{11}$

C. $\frac{-7}{11}$

D. $\frac{-6}{11}$

Câu 2: Số đối của số hữu tỉ $\frac{4}{-3}$ là:

A. $\frac{-3}{4}$

B. $\frac{-4}{3}$

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{4}{3}$

Câu 3: Kết quả của phép tính $\left(\frac{1}{2}\right)^3$ là:

A. $\frac{-1}{8}$

B. $\frac{1}{8}$

C. $\frac{-3}{2}$

D. $\frac{1}{6}$

Câu 4: Số nào sau đây là số hữu tỉ ?

A. $\frac{-1}{2}$

B. $\sqrt{\frac{4}{5}}$

C. π

D. $\sqrt{3}$

Câu 5: Giá trị của $|-2,5| - |0,5|$ là:

A. 2

B. -3

C. 3

D. -2

Câu 6: Hình hộp chữ nhật có bao nhiêu mặt?

A. 2

B. 4

C. 6

D. 8

Câu 7: Công thức tính diện tích xung quanh hình lăng trụ đứng là:

A. $S_{xq} = 2S_{\text{đáy}}$

B. $S_{xq} = S_{\text{đáy}} \cdot h$

C. $S_{xq} = C_{\text{đáy}} \cdot h$

D. $S_{xq} = 2ab$

Câu 8: Một hình lăng trụ đứng có diện tích đáy 30 cm^2 và chiều cao 4 cm . Thể tích của hình lăng trụ đó là:

A. 34 cm^3

B. 30 cm^3

C. 60 cm^3

D. 120 cm^3

II: TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài 1 (1,5 điểm): Tính

a) $\frac{3}{5} + \left(\frac{-1}{5}\right)$

b) $\left(\frac{-1}{3}\right)^4$

Bài 2 (1 điểm): Tìm x biết

a) $x - \frac{1}{4} = \frac{-5}{12}$

b) $|x - 3| + 1 = \sqrt{25}$.

Bài 3 (1,5 điểm):Tính hợp lý giá trị các biểu thức sau:

a) $A = \frac{7}{15} \cdot \frac{5}{11} + \frac{7}{15} \cdot \frac{6}{11} + \frac{23}{15}$

$$\text{b) } B = \frac{7}{23} + \frac{5}{11} + \frac{16}{23} + \frac{2026}{2027} - \frac{16}{11}$$

Bài 4 (1,25điểm): Một cửa hàng bán điện thoại hôm nay giảm giá 15% cho mỗi sản phẩm

a) Tính số tiền khách hàng được giảm khi mua chiếc điện thoại có giá ban đầu là 24 triệu đồng ?

b) Một khách hàng Vip đến mua chiếc điện thoại như trên, Vì là khách Vip nên khách hàng này được cửa hàng giảm thêm 10% trên giá đã giảm, Tính số tiền khách hàng phải trả?

Bài 5 (2,75 điểm): Một bể bơi có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 12m , chiều rộng 5m và chiều cao 2m.

a) Mặt đáy bể bơi có dạng hình gì?

b) Tính diện tích xung quanh và thể tích nước tối đa mà bể có thể chứa.

c) Người ta lát gạch ở đáy (mặt đáy dưới) và các mặt bên của bể, biết chi phí lát gạch là 200 000 đồng / 1m^2 . Tính tổng chi phí lát gạch.

Bài làm (Phần tự luận)

This image shows a full page of a handwriting practice worksheet. It consists of multiple rows of horizontal dashed lines spaced evenly down the page, providing a guide for letter height and placement. The background is plain white, and there are no margins or additional markings.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ LỄ (Hướng dẫn này có 01 trang)

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	A	B	C	B	B	C

PHẦN II: TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài	Câu	Hướng dẫn Chi tiết (Đáp án và Phân điểm)	Điểm
B1(1,5 Đ)	a	$\frac{1}{5}$	0,75
	b	$\frac{1}{16}$	0,75
B2(1 Đ)	a	$x = \frac{-1}{3}$	0,5
	b	$x - 3 = \pm 5 \Rightarrow x = 8$ hoặc $x = -2$ Tìm được 1 đáp án đúng cho 0,25 điểm	0,5
B3(1,5Đ)	a	$A = \left(\frac{7}{15} \cdot \frac{5}{11} + \frac{7}{15} \cdot \frac{6}{11} \right) + \frac{8}{15} = \frac{7}{15} \cdot \left(\frac{5}{11} + \frac{6}{11} \right) + \frac{8}{15}$ $= \frac{7}{15} \cdot 1 + \frac{8}{15} = \frac{7}{15} + \frac{8}{15}$ $= 1$	0,25 0,25 0,25
	b	$B = \left(\frac{7}{13} + \frac{16}{13} \right) + \left(\frac{5}{11} - \frac{16}{11} \right) + \frac{2025}{2026}$ $= 1 + (-1) + \frac{2025}{2026}$ $= 0 + \frac{2025}{2026} = \frac{2025}{2026}$	0,25 0,25 0,25
B4(1,25Đ)	a	số tiền được giảm là $12\,000\,000 \cdot 15\% = 1\,800\,000$ đồng	0,25+0,5
	b	số tiền phải trả là: $(12\,000\,000 \cdot 85\%) \cdot 90\% = 9\,180\,000$ đồng	0,25 0,25
B5(2,75Đ)	a	Hình chữ nhật	0,5
	b	$S_{xq} = (12 + 5) \cdot 2 \cdot 1,5 = 51 \text{ m}^2$; $V = 12 \cdot 5 \cdot 1,5 = 90 \text{ m}^3$	1+0,75
	c	$S_{\text{tổng}} = 111 \text{ m}^2$ Chi phí 22 200 000 đồng .	0,25+0,25

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ CHẴN (Hướng dẫn này có 01 trang)

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	B	A	A	C	C	D

PHẦN II: TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài	Câu	Hướng dẫn Chi tiết (Đáp án và Phân điểm)	Điểm
B1(1,5 Đ)	a	$\frac{2}{5}$	0,75
	b	$\frac{1}{81}$	0,75
B2(1 Đ)	a	$x = \frac{-1}{6}$	0,5
	b	$x - 3 = \pm 4 \Rightarrow x = 7$ hoặc $x = -1$ Tìm được 1 đáp án đúng cho 0,25 điểm	0,5
B3(1,5Đ)	a	$A = \left(\frac{7}{15} \cdot \frac{5}{11} + \frac{7}{15} \cdot \frac{6}{11} \right) + \frac{23}{15} = \frac{7}{15} \cdot \left(\frac{5}{11} + \frac{6}{11} \right) + \frac{23}{15} = \frac{7}{15} \cdot 1 + \frac{23}{15} = \frac{7}{15} + \frac{23}{15} = \frac{30}{15} = 2$	0,25 0,25 0,25
	b	$B = \left(\frac{7}{23} + \frac{16}{23} \right) + \left(\frac{5}{11} - \frac{16}{11} \right) + \frac{2026}{2027}$ $= 1 + (-1) + \frac{2026}{2027}$ $= 0 + \frac{2026}{2027} = \frac{2026}{2027}$	0,25 0,25 0,25
B4(1,25Đ)	a	số tiền được giảm là $24\,000\,000 \cdot 15\% = 3\,600\,000$ đồng	0,25+0,5
	b	số tiền phải trả là $(24\,000\,000 \cdot 85\%) \cdot 90\% = 18\,360\,000$ đồng	0,25 0,25
B5(2,75Đ)	a	Hình chữ nhật	0,5
	b	$S_{xq} = (12 + 5) \cdot 2 \cdot 2 = 68 \text{ m}^2 \quad V = 12 \cdot 5 \cdot 2 = 120 \text{ m}^3;$	1+0,75
	c	$S_{\text{tổng}} = 128 \text{ m}^2$ Chi phí 25 600 000 đồng .	0,25+0,25